

Số: 854 /BC-ĐHK&QTKD-TVSV

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp (Khảo sát năm 2020)

Thực hiện kế hoạch số 484/KH-ĐHK&QTKD-TVSV ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh, căn cứ tình hình thực tế của sinh viên đã tốt nghiệp trong năm 2019, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên đã tiến hành điều tra và khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019, văn bằng thứ nhất hệ đại học chính quy.

Thời gian khảo sát: từ tháng 8/2020.

I. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC KHẢO SÁT

1. Mục đích:

- Nắm bắt tình hình việc làm và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Thu thập thông tin phản hồi của người học sau khi ra trường về nội dung chương trình đào tạo. Làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội.

2. Đối tượng:

- Đối tượng khảo sát là sinh viên tốt nghiệp năm 2019, văn bằng thứ nhất hệ đại học chính quy.

3. Hình thức khảo sát:

- Khảo sát bằng cách gọi điện thoại trực tiếp, qua email, qua phiếu thu thập thông tin...

- Thu thập các thông tin về tình hình việc làm, tên cơ quan công tác, khu vực làm việc, mức lương được hưởng...

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Tổng số sinh viên tốt nghiệp tiến hành khảo sát: 907 sinh viên

- Tổng số sinh viên có phản hồi: 859 sinh viên. Trong đó:

+ Số sinh viên có việc làm: 811 sinh viên

+ Sinh viên chưa có việc làm nhưng đang theo học nâng cao: 17 sinh viên

+ Sinh viên chưa có việc làm: 31 sinh viên

- Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Bảng 1. Thống kê về giới tính sinh viên khảo sát

Giới tính	Số sinh viên được khảo sát	Tỉ lệ %
Nữ	702	77,4
Nam	205	22,6
Tổng	907	100

Bảng 2. Thống kê về số lượng sinh viên được khảo sát theo từng ngành đào tạo

Ngành đào tạo	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên được khảo sát	Số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ sinh viên có phản hồi/ tổng sinh viên tốt nghiệp (%)
Kế toán	389	389	387	99,5
Quản trị kinh doanh	137	137	131	95,6
Tài chính ngân hàng	126	126	112	88,9
QTDVDL&LH	20	20	20	100
Marketing	12	12	12	100
Luật kinh tế	75	75	69	92
Kinh tế	148	148	128	86,5
Tổng cộng	907	907	859	94,7

Việc xác định tỉ lệ sinh viên khảo sát được tính theo hướng dẫn trong Công văn số 2919/BGDĐT-GD&ĐT ngày 10/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Để có được tỉ lệ sinh viên phản hồi/tổng số sinh viên tốt nghiệp theo quy định, đợt khảo sát đã điều tra 907 sinh viên, trong đó phân theo giới tính: Nữ là 702 sinh viên (chiếm 77,4%), Nam là 205 sinh viên (chiếm 22,6%). Số lượng sinh viên được khảo sát và số sinh viên có phản hồi của từng ngành đào tạo được thể hiện qua bảng 2. Số sinh viên phản hồi của các ngành đều đạt trên 80% trong đó các ngành Marketing, QTDVDL&LH và

Kê toán có số lượng sinh viên phản hồi nhiều nhất đạt tỷ lệ tương ứng là 100% và 99,5%. Ngành có tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp nhất là ngành Kinh tế, nguyên nhân là do sinh viên thay đổi số điện thoại và lưu học sinh Lào đã về nước nên không liên lạc được với sinh viên.

2. Tình trạng việc làm

2.1. Thống kê tình trạng việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Bảng 3. Thống kê tình trạng việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Số sinh viên phản hồi	Tình trạng việc làm (sinh viên)			Tỷ lệ có việc % (5) = [(2)+(3)]/(1)*100
	Đã có việc làm	Đang học nâng cao	Chưa có việc làm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
859	811	17	31	96,4%

Bảng 4. Thống kê tình trạng việc làm của sinh viên theo từng ngành đào tạo

Ngành đào tạo	Số sinh viên phản hồi	Tình trạng việc làm (sinh viên)			Tỷ lệ có việc làm %
		Có việc làm	Đang học nâng cao	Chưa có việc	
Kê toán	387	364	10	13	96,6
Quản trị kinh doanh	131	126	3	2	98,4
Tài chính ngân hàng	112	104	1	7	93,7
QTDVDL&LH	20	19	0	1	95
Marketing	12	12	0	0	100
Luật kinh tế	69	67	1	1	98,5
Kinh tế	128	119	2	7	94,5
Tổng	859	811	17	31	96,4

Công thức tính tỷ lệ sinh viên có việc làm được tính:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm = (Số sinh viên có việc làm + Số sinh viên đang học nâng cao)/Số sinh viên được khảo sát có phản hồi*100.

Qua bảng 3 cho thấy đa số sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm đều có việc làm (chiếm tỉ lệ 96,4%). Điều này chứng tỏ khả năng tìm việc cũng như tự tạo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp của Nhà trường là rất tốt. Trong đó có ngành Marketing, Quản trị kinh doanh và ngành Luật kinh tế tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm gần như tuyệt đối, tiếp đến là các ngành Kế toán, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế và Tài chính Ngân hàng. Nguyên nhân là do, Nhà trường luôn coi nhiệm vụ đầu ra là nhiệm vụ trọng tâm để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên khi ra trường sẽ có việc làm ngay.

2.2. Những khó khăn khi tìm việc của sinh viên chưa có việc làm

Bảng 5. Thống kê khó khăn khi tìm việc của sinh viên chưa có việc làm

Nguyên nhân	Số sinh viên lựa chọn
Thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ	0
Thiếu kinh nghiệm làm việc	1
Thiếu thông tin tuyển dụng	1
Trình độ tin học hoặc ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu	3
Chưa tìm được công việc ưng ý	12
Tổng	17

Khảo sát sinh viên chưa có việc làm về những khó khăn khi tìm việc thì nguyên nhân chủ yếu là do sinh viên chưa tìm được công việc ưng ý, ngoài ra thiếu kinh nghiệm làm việc và lý do mới lập gia đình, nghỉ thai thai sản (14 sinh viên) cũng là những lý do khiến sinh viên của Nhà trường chưa có việc làm.

2.3. Thống kê con đường tìm việc, khoảng thời gian sinh viên có việc sau khi tốt nghiệp và khu vực làm việc của sinh viên

Bảng 6. Thống kê về con đường tìm được việc làm của sinh viên

Con đường tìm việc	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Qua hoạt động tư vấn, hỗ trợ từ Nhà trường	30	3,7
Bạn bè, người thân giới thiệu	329	40,56
Qua các kênh quảng cáo tuyển dụng	363	44,75
Tự tạo việc làm	89	11
Tổng	811	100

Kết quả khảo sát về con đường tìm việc của sinh viên (bảng 6) cho thấy đa số sinh viên tìm được việc qua thông tin tuyển dụng qua bạn bè, người thân giới thiệu hoặc trên các phương tiện quảng cáo của doanh nghiệp. Một tỉ lệ tương đối (11,0%) sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự tạo việc làm cho mình, chủ yếu là các hình thức mở shop, cửa hàng tự kinh doanh.

Bảng 7. Thống kê về khoảng thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp

Thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Có việc làm ngay	586	72,2
Có việc làm trong vòng 6 tháng	213	26,2
Có việc làm sau 6 tháng	12	1,5
Tổng	811	100

Theo thống kê ở bảng 7, tỉ lệ sinh viên của Nhà trường có việc làm trong 6 tháng đầu sau khi tốt nghiệp là khá cao. Đặc biệt chiếm tới 72,2% sinh viên có việc làm ngay khi ra trường. Nó cho thấy sự nhạy bén, năng động của sinh viên của Nhà trường trong công tác tìm kiếm việc làm, đồng thời cũng phần nào nói lên chất lượng đào tạo của Nhà trường, sự đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Bảng 8. Thống kê về khu vực làm việc phân theo thành phần kinh tế

Khu vực làm việc theo thành phần kinh tế	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Khu vực Nhà nước	98	12.1
Khu vực Tư nhân	514	63.4
Liên doanh nước ngoài	109	13.4
Tự tạo việc làm, kinh doanh cá thể	90	11.1
Tổng	811	100

Khu vực làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp (bảng 8) chủ yếu nằm ở thành phần kinh tế tư nhân, chiếm 63,4%. Tỉ lệ còn lại phân bổ theo Liên doanh nước ngoài (13,4%), Khu vực Nhà nước (12,1%) và Tự tạo việc làm, kinh doanh cá thể (11,1%).

2.4. Khảo sát về mức độ hữu ích của kiến thức đã được đào tạo tại Nhà trường đối với công việc của sinh viên

Bảng 9. Thống kê đánh giá của sinh viên có việc làm đối với kiến thức đã được đào tạo tại Nhà trường

Mức độ hữu ích của các kiến thức được đào tạo tại trường Đại học đối với công việc	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Rất hữu ích	142	17,5
Hữu ích	666	82,1
Không hữu ích	3	0,37
Tổng	811	100

Qua khảo sát có rất ít sinh viên đánh giá rằng các kiến thức đã được đào tạo tại Nhà trường là không hữu ích cho công việc hiện tại của mình (0,37%), tỉ lệ còn lại 82,1% đánh giá là hữu ích và 17,5% đánh giá là rất hữu ích với công việc.

2.5. Khảo sát về mức độ phù hợp của việc làm với ngành đào tạo

Bảng 10. Thống kê về mức độ phù hợp với ngành đào tạo của công việc

Mức độ phù hợp với ngành đào tạo	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Phù hợp	224	27,6
Tương đối phù hợp	508	62,6
Không phù hợp	79	9,74
Tổng	811	100

Theo thống kê ở bảng 10, tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo của mình là 27,6%; 62,6% sinh viên được hỏi cho rằng công việc hiện tại tương đối phù hợp với chuyên ngành đào tạo và 9,74% cho rằng mình làm trái ngành, không phù hợp với chuyên ngành đã học.

Bảng 11. Thống kê về mức độ phù hợp với ngành đào tạo của công việc, phân theo từng ngành học

Ngành đào tạo	Số sinh viên có việc làm	Mức độ phù hợp với chuyên ngành đào tạo (sinh viên)			Tỉ lệ phù hợp và tương đối phù hợp với ngành đào tạo % (6)=[(3)+(4)]/(2)*100
		Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Kê toán	364	62	298	4	98,9
Quản trị kinh doanh	126	44	72	10	92,1
Tài chính ngân hàng	104	37	40	27	74
QTDVDL&LH	19	6	8	5	73,7
Marketing	12	5	5	2	83,3
Luật kinh tế	67	18	33	16	76,1
Kinh tế	119	52	52	15	87,4
Tổng cộng	811	224	508	79	90,3

Thông kê bảng 11 cho thấy: Các ngành đào tạo của trường Đại học Kinh tế & QTKD đào tạo ra sinh viên có việc làm đều phù hợp hoặc tương đối phù hợp với ngành được đào tạo ra. Trong đó có ngành Kế toán, Quản trị Kinh doanh đạt tỷ lệ cao đều trên 90%; Các ngành khác, sinh viên có việc làm phù hợp và tương đối phù hợp với chuyên ngành đào tạo đạt tỉ lệ thấp hơn, đặc biệt ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và ngành Tài chính ngân hàng là ngành có tỉ lệ thấp nhất, chỉ đạt tỷ lệ tương ứng là 73,7% và 74%.

2.6. Khảo sát về việc tiếp cận với nhiệm vụ chuyên môn trong công ty.

Bảng 12: Thống kê về việc tiếp cận với nhiệm vụ chuyên môn trong công ty.

Khó khăn trong việc tiếp cận với nhiệm vụ chuyên môn trong công ty	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Có	145	17,9
Không	666	82,1
Tổng	811	100

Theo thống kê ở bảng 12, tỉ lệ sinh viên ra trường gặp khó khăn khi tiếp cận với nhiệm vụ chuyên môn trong công ty là 17,9%. Đa phần sinh viên đã thích ứng và nắm bắt được với nhiệm vụ công việc của mình.

2.7. Mức thu nhập bình quân/tháng

Bảng 13. Thống kê về mức thu nhập bình quân/tháng của sinh viên

Thu nhập bình quân/tháng	Số sinh viên	Tỉ lệ %
Dưới 3,5 triệu	15	1,85
Từ 3,5 triệu đến dưới 5 triệu	116	14,3
Từ 5 triệu đến dưới 7 triệu	396	48,8
Trên 7 triệu	284	35,0
Tổng	811	100

Theo bảng 13, thống kê về mức thu nhập bình quân/tháng của sinh viên từ công việc, sinh viên có thu nhập trên 5 triệu đồng đạt tỉ lệ khá cao, chỉ một tỉ lệ nhỏ sinh viên có thu nhập bình quân dưới 3,5 triệu đồng (1,85%).

2.7. Giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Bảng 13. Thống kê giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Giải pháp	Số sinh viên lựa chọn	Tỉ lệ % lựa chọn/Số sinh viên có việc làm
Bổ sung các khóa đào tạo kỹ năng mềm	261	32,2
Tăng thêm thời lượng thực tập/thực tế	126	15,5
Các nhà tuyển dụng cam kết nhận SV đến làm việc sau khi tốt nghiệp	296	36,5
Nhà trường cập nhật liên tục thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp	128	15,8

Theo kết quả khảo sát 811 sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp về các giải pháp giúp sinh viên có việc làm thì 32,2% sinh viên lựa chọn giải pháp bổ sung

các khóa đào tạo kỹ năng mềm; 15,5% sinh viên lựa chọn giải pháp tăng thêm thời lượng thực tập/thực tế; 36,5% sinh viên lựa chọn giải pháp các nhà tuyển dụng cam kết nhận SV đến làm việc sau khi tốt nghiệp; 15,8% sinh viên lựa chọn giải pháp Nhà trường cập nhật liên tục thông tin tuyển dụng

III. TỔNG KẾT, KHUYẾN NGHỊ

- Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên của Nhà trường sau 1 năm tốt nghiệp đều đã có việc làm (chiếm tỉ lệ 96,4%); Sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp, tương đối phù hợp với chuyên ngành đào tạo có tỉ lệ khá cao (90,3%). Tuy nhiên vẫn có 9,74% sinh viên tốt nghiệp có việc làm không phù hợp với chuyên ngành đào tạo, vì vậy Nhà trường cần tiếp tục cải tiến hơn nữa về các chương trình đào tạo cũng như cách dạy học, giúp sinh viên tăng thêm thời lượng thực hành, thực tế nhằm có sự tiếp cận tốt nhất trong thời gian đầu khi mới bước vào công việc.

- Song song với học tập chuyên môn, Nhà trường cũng cần đẩy mạnh các chương trình hoạt động nhằm giúp sinh viên bổ sung, rèn luyện các kỹ năng ngoài chuyên môn như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm... Qua khảo sát thực tế khá đông sinh viên đều nhận định việc cần thiết được đào tạo, bổ sung các kỹ năng mềm. Nó giúp sinh viên tự tin hơn trong phỏng vấn tuyển dụng cũng như là một công cụ phụ trợ đắc lực cho công việc sau này.

- Để giúp sinh viên ra trường có khả năng tìm việc tốt hơn nữa Nhà trường cũng cần gắn kết thêm với các doanh nghiệp ở mọi lĩnh vực, thành phần kinh tế và vùng miền. Tạo điều kiện để sinh viên được thực tập nghề nghiệp, cung cấp thêm thông tin của các doanh nghiệp giúp sinh viên tiếp cận được với nhà tuyển dụng.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Lưu VT, TVSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

PGS. TS. Trần Nhuận Kiên

